

**DANH SÁCH HỌC VIÊN CHUYÊN KHOA CẤP I KHÓA 2021-2023
DỰ THI CHỨNG CHỈ CƠ SỞ - HỖ TRỢ CHĂM SÓC GIẢM NHẸ**

Thời gian: 7 giờ 30, ngày 23/04/2022

Địa điểm thi: Giảng đường 6C

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ký tên
1	50112	Lê Thành An	18/11/1988	Tiền Giang	Lão khoa	
2	50113	Đặng Thị Ngọc Ánh	04/01/1994	Gia Lai	Lão khoa	
3	50114	Bùi Duy Bảo	28/01/1993	Trà Vinh	Lão khoa	
4	50115	Kim Thị Linh Chi	01/01/1990	Trà Vinh	Lão khoa	
5	50116	Trương Trần Chí	15/12/1990	Đồng Nai	Lão khoa	
6	50117	Nguyễn Thị Tuyết Chinh	12/02/1985	Gia Lai	Lão khoa	
7	50118	Phạm Văn Cường	30/09/1983	Hà Nam	Lão khoa	
8	50119	Đinh Thị Dung	03/10/1990	Thanh Hóa	Lão khoa	
9	50120	Trần Hoàng Duy	25/02/1992	Tiền Giang	Lão khoa	
10	50121	Sơn Thị Ngọc Giàu	26/01/1992	Trà Vinh	Lão khoa	
11	50122	Vũ Gương	03/10/1983	Hà Tây	Lão khoa	
12	50123	Bành Phúc Hậu	13/12/1992	Trà Vinh	Lão khoa	
13	50124	Nguyễn Thị Hương	14/04/1990	Lâm Đồng	Lão khoa	
14	50125	Trương Ngọc Đăng Huy	10/12/1993	Lâm Đồng	Lão khoa	
15	50126	Đỗ Thị Thúy Lan	27/06/1994	Quảng Ngãi	Lão khoa	
16	50127	Hoàng Thị Lành	28/08/1991	Đắk Lắk	Lão khoa	
17	50128	Nguyễn Lê Thành Lợi	22/06/1993	Tiền Giang	Lão khoa	
18	50129	Đặng Hoàng Nam	09/06/1989	An Giang	Lão khoa	
19	50130	Nguyễn Thị Phương Nga	15/03/1993	Tp. HCM	Lão khoa	
20	50131	Mai Thanh Ngân	25/11/1982	Nam Định	Lão khoa	
21	50132	Ngô Thị Nhanh	22/7/1983	Hưng Yên	Lão khoa	
22	50133	Lê Đăng Phục	25/12/1992	Nghệ An	Lão khoa	
23	50134	Võ Thị Thùy Phương	20/02/1993	TT Huế	Lão khoa	
24	50135	Huỳnh Linh Tên	03/10/1992	Trà Vinh	Lão khoa	

25	50136	Nguyễn Văn Thành	10/09/1985	TT Huế	Lão khoa	
26	50137	Nguyễn Ngọc Thương	27/10/1990	Bến Tre	Lão khoa	
27	50138	Tô Thị Ngọc Thủy	27/07/1993	Quảng Ngãi	Lão khoa	
28	50139	Bùi Thủy Thu Trang	18/09/1983	Tp. HCM	Lão khoa	
29	50140	Lê Minh Trí	10/02/1992	An Giang	Lão khoa	
30	50141	Đàng Năng Xinh	06/11/1981	Ninh Thuận	Lão khoa	
31	50142	Đặng Hoài An	09/03/1993	Trà Vinh	Nội khoa	
32	50143	Nguyễn Cẩn Quốc Anh	21/10/1995	Bến Tre	Nội khoa	
33	50144	Nguyễn Thảo Tùng Anh	13/05/1995	Tây Ninh	Nội khoa	
34	50145	Phan Võ Trúc Anh	02/04/1994	TP.HCM	Nội khoa	
35	50146	Trần Văn Cảnh	24/08/1993	Trà Vinh	Nội khoa	
36	50147	Nguyễn Thị Lệ Chi	21/10/1994	TT- Huế	Nội khoa	
37	50148	Nguyễn Hoài Chiến	04/04/1994	Quảng Ngãi	Nội khoa	
38	50149	Võ Thị Kiều Chinh	11/03/1994	Tiền Giang	Nội khoa	
39	50150	Mai Hùng Cường	10/06/1991	Quảng Ngãi	Nội khoa	
40	50151	Võ Tấn Đạt	18/01/1994	Đồng Tháp	Nội khoa	
41	50152	Hoàng Thị Đức	15/12/1992	Gia Lai	Nội khoa	
42	50153	Nguyễn Thị Kim Dung	27/04/1993	TP.HCM	Nội khoa	
43	50154	Nguyễn Thị Trúc Giang	04/10/1994	Bến Tre	Nội khoa	
44	50155	Trần Quang Hào	06/10/1992	Đắk Lắk	Nội khoa	
45	50156	Triệu Thị Huệ	23/07/1992	Lâm Đồng	Nội khoa	
46	50157	Nguyễn Văn Hùng	16/12/1993	Nghệ An	Nội khoa	
47	50158	Lê Nguyễn Thanh Huyền	12/06/1993	Quảng Nam	Nội khoa	
48	50159	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	19/11/1993	TT- Huế	Nội khoa	
49	50160	Nguyễn Thị Kiều	02/06/1995	Bình Định	Nội khoa	
50	50161	Nguyễn Thị Kim	19/01/1994	An Giang	Nội khoa	
51	50162	Nguyễn Hoàng Linh	21/04/1993	Long An	Nội khoa	
52	50163	Trần Thị Mỹ Linh	25/07/1994	TP.HCM	Nội khoa	
53	50164	Đỗ Duy Long	08/08/1994	TP.HCM	Nội khoa	
54	50165	Nguyễn Khắc Lữ	15/09/1992	Trà Vinh	Nội khoa	
55	50166	Nguyễn Thị Mụi	11/01/1992	Bến Tre	Nội khoa	
56	50167	Lê Minh Trí Nghĩa	13/05/1991	Lâm Đồng	Nội khoa	

57	50168	Nguyễn Hữu Nghĩa	11/07/1993	Tiền Giang	Nội khoa	
58	50169	Trương Hữu Nghĩa	01/09/1994	Đà Nẵng	Nội khoa	
59	50170	Hoàng Cao Nguyên	08/04/1992	Đắk Lắk	Nội khoa	
60	50171	Phạm Viết Nhã	20/11/1993	Quảng Ngãi	Nội khoa	
61	50172	Phạm Minh Nhật	12/11/1994	An Giang	Nội khoa	
62	50173	Bùi Yến Nhi	20/08/1993	Phú Yên	Nội khoa	
63	50174	Đỗ Đăng Như	22/11/1993	Tây Ninh	Nội khoa	
64	50175	Nguyễn Quý Nhung	07/02/1993	Đắk Lắk	Nội khoa	
65	50176	Trương Huỳnh Tấn Phú	10/06/1993	TP.HCM	Nội khoa	
66	50177	Nguyễn Thanh Phúc	20/04/1993	Quảng Nam	Nội khoa	
67	50178	Trần Thị Diễm Phương	04/09/1993	Lâm Đồng	Nội khoa	
68	50179	Nguyễn Thị Mỹ Phượng	01/05/1993	Nam Định	Nội khoa	
69	50180	Nguyễn Xuân Quỳnh	26/11/1993	Đồng Tháp	Nội khoa	
70	50181	Nguyễn Khắc Tuấn Tài	27/12/1994	TP.HCM	Nội khoa	
71	50182	Lê Quang Thái	08/08/1995	Bến Tre	Nội khoa	
72	50183	Phạm Thị Thắm	21/11/1992	TT- Huế	Nội khoa	
73	50184	Lê Thị Hoài Thương	08/05/1993	Kon Tum	Nội khoa	
74	50185	Ung Nho Thương	20/02/1990	Quảng Nam	Nội khoa	
75	50186	Văn Thị Bích Thúy	29/09/1995	Quảng Nam	Nội khoa	
76	50187	Phạm Thị Ngọc Thủy Tiên	02/09/1993	Quảng Ngãi	Nội khoa	
77	50188	Võ Vân Tiến	21/03/1993	Bến Tre	Nội khoa	
78	50189	Nguyễn Thị Minh Trang	28/09/1994	Đắk Lắk	Nội khoa	
79	50190	Dương Minh Triết	04/01/1994	Đồng Nai	Nội khoa	
80	50191	Hồ Thanh Trúc	20/07/1994	Quảng Nam	Nội khoa	
81	50192	Nguyễn Ngọc Thanh Trúc	22/09/1993	TP.HCM	Nội khoa	
82	50193	Nguyễn Thị Trúc	19/05/1991	Thanh Hóa	Nội khoa	
83	50194	Đỗ Anh Tuấn	27/07/1993	Quảng Ngãi	Nội khoa	
84	50195	Nguyễn Thanh Huyền Vân	05/11/1995	Kiên Giang	Nội khoa	
85	50196	Trần Khánh Vân	29/06/1995	Quảng Nam	Nội khoa	
86	50197	Trương Thị Tường Vi	02/02/1994	Quảng Nam	Nội khoa	
87	50198	Lê Quang Vinh	04/10/1984	Đồng Nai	Nội khoa	
88	50199	Trần Đức Vinh	26/09/1994	Bến Tre	Nội khoa	

89	50200	Huỳnh Anh Vũ	14/03/1989	Quảng Ngãi	Nội khoa	
90	50201	Võ Khôi Vũ	01/02/1991	Bình Định	Nội khoa	

Ấn định danh sách 90 học viên CKI.

Hiện diện: **TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC**

Vắng mặt:

CÁN BỘ COI THI 1:

CÁN BỘ COI THI: